TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN GÒ CÔNG TÂY** **TỈNH TIỀN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 338/2023/HNGĐ-ST
Ngày 25-8-2023
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN GÒ CÔNG TÂY, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Thanh Phú.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Thành.

2. Bà Trần Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lương Huỳnh Phúc Tài – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Quí – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 180/2023/TLST-HNGĐ ngày 09 tháng 5 năm 2023 về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 118/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2023/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị **Bùi Thị Mộng T**, sinh năm 1995 (xin vắng mặt);

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

2. Bị đơn: Anh **Nguyễn Hữu T**, sinh năm 1985 (vắng mặt);

Hộ khẩu thường trú: Ấp L, xã L, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

Chỗ ở hiện tại: Ấp T, xã Đ, huyện G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Theo đơn ly hôn ngày 23/3/2023 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Bùi Thị Mộng T trình bày:

Chị và anh T bắt đầu chung sống từ năm 2009, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Long Bình. Quá trình chung sống hạnh phúc thời gian đầu, nhưng đến năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh T không quan tâm chăm sóc gia đình, không có trách nhiệm với vợ con. Chị đã khuyên giải nhiều lần nhưng anh T vẫn không thay đổi và đến tháng 3/2022 thì vợ chồng đã sống ly thân đến nay. Do mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng không thể tiếp tục chung sống với

nhau được nữa nên chị yêu cầu được ly hôn với anh T.

Về con chung: Có 01 con chung tên Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/7/2020, hiện đang sống chung với chị. Ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung và yêu cầu anh T phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Ngoài ra không còn yêu cầu gì khác.

* Bị đơn là anh Nguyễn Hữu T đã được Tòa án tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật nhưng anh T không đến Tòa án, cũng không gửi văn bản trình bày ý kiến của mình đối với yêu cầu của chị T.

* Ý kiến của Kiểm sát viên:

Về tố tụng: Quá trình thụ lý và xét xử vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nên không kiến nghị gì về tố tụng.

Về nội dung: Qua các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án cho thấy mâu thuẫn giữa vợ chồng đã đến mức trầm trọng nên chị T yêu cầu ly hôn là có cơ sở chấp nhận. Đối với cháu T hiện đang sống ổn định với chị T, do vậy cần giao cho chị T nuôi dưỡng; chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con với mức cấp dưỡng phù hợp nên đề nghị chấp nhận.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi xem xét các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

Chị T yêu cầu ly hôn với anh T và yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung nên đây là tranh chấp "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Anh T là bị đơn có hộ khẩu thường trú tại ấp L, xã L, huyện G và chỗ ở hiện tại là ấp T, xã Đ, huyện G nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Gò Công Tây, tỉnh Tiền Giang theo điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về tố tụng: Chị T có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa; anh T đã được triệu tập xét xử hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự xét xử vắng mặt chị T, anh T.

[3] Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh T chung sống trên cơ sở tự nguyện, được Ủy ban nhân dân xã Long Bình cấp giấy chứng nhận kết hôn số 60 ngày 04/6/2020 nên hôn nhân của anh chị là hợp pháp.

Chị T trình bày trong quá trình chung sống, giữa chị và anh T xảy ra mâu thuẫn kéo dài không tự hàn gắn được. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tống đạt thông báo về việc thụ lý vụ án cùng các tài liệu, chứng cứ của chị T giao nộp

cho anh T. Nội dung thông báo về việc thụ lý vụ án có nêu rõ yêu cầu được ly hôn của chị T nhưng anh T không thể hiện ý kiến phản đối đối với yêu cầu của chị T. Do vậy, cần xác định tình trạng mâu thuẫn giữa chị T và anh T đã trầm trọng, hạnh phúc hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không thể kéo dài nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị T là phù hợp với Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về nuôi con chung và cấp dưỡng nuôi con:

Về nuôi con chung: Chị T và anh T có 01 con chung chưa thành niên tên Nguyễn Ngọc T. Chị T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng con chung.

Tại khoản 2 Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Vợ, chồng thỏa thuận về người trực tiếp nuôi con, nghĩa vụ, quyền của mỗi bên sau khi ly hôn đối với con; trường hợp không thỏa thuận được thì Tòa án quyết định giao con cho một bên trực tiếp nuôi căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con; ...".*

Quá trình giải quyết vụ án anh T vắng mặt nên không có sự thỏa thuận về người trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Thấy rằng, hiện cháu T đang sống chung chị T, để tạo điều kiện thuận lợi, đảm bảo sự phát triển bình thường cho cháu nên Hội đồng xét xử giao cháu T cho chị T được trực tiếp nuôi dưỡng. Nếu sau này anh T có yêu cầu về con chung sẽ được xem xét giải quyết bằng vụ án khác.

Về cấp dưỡng nuôi con: Khoản 2 Điều 82 Luật hôn nhân và gia đình quy định: *"Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ cấp dưỡng cho con"* nên chị T yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con chung là phù hợp nhằm tạo điều kiện về vật chất để cháu T được chăm sóc tốt hơn. Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu này của chị T, buộc anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu T hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định, thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

[5] Về chia tài sản, nợ chung: Chị T, anh T không yêu cầu giải quyết nên không xem xét.

[6] Về án phí: Chị T là nguyên đơn trong vụ án ly hôn nên phải chịu án phí đối với yêu cầu ly hôn theo quy định của pháp luật. Anh T phải nộp án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

[7] Về ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa phù hợp với quan điểm của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các điều 56, 81, 82 và 83 Luật hôn nhân và gia đình; điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 và khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Mộng T.

1.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Mộng T được ly hôn với anh Nguyễn Hữu T.

1.2. Về con chung: Giao cháu Nguyễn Ngọc T, sinh ngày 21/7/2020 cho chị Bùi Thị Mộng T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục.

Anh Nguyễn Hữu T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi cháu Nguyễn Ngọc T hàng tháng, mức cấp dưỡng mỗi tháng bằng ½ mức lương tối thiểu do nhà nước quy định (thời điểm giải quyết tương đương 900.000 đồng/tháng), thời gian thực hiện từ khi án có hiệu lực pháp luật đến khi cháu T đủ 18 tuổi và có khả năng lao động.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Anh Nguyễn Hữu T có quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung, không ai có quyền cản trở.

2. Về án phí:

Chị Bùi Thị Mộng T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0027100 ngày 09/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Gò Công Tây nên chị T đã nộp xong án phí.

Anh Nguyễn Hữu T phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

3. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

4. Về quyền kháng cáo: Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tống đạt bản án hoặc niêm yết công khai bản án, chị Bùi Thị Mộng T, anh Nguyễn Hữu T được quyền kháng cáo bản án đến Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang để yêu cầu xét xử phúc thẩm.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện Gò Công Tây;
- Chi cục THADS huyện Gò Công Tây;
- UBND xã Long Bình;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

Bùi Thanh Phú